|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG LỘC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM  
(Ngày 24 tháng 12 năm 2023)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Trần Tuấn Ngày tháng năm sinh: 24/03/1987

- Chức vụ: Kế toán Ngân sách xã

- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, Thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân(3): 042087001992 ; ngày cấp 22/04/2021; nơi cấp: Công an Hà Tĩnh

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thoa; Ngày tháng năm sinh: 02/06/1988.

- Nghề nghiệp: Giáo viên Mầm non

- Nơi làm việc(4): Trường Mầm non Bình Minh.

- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, Thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 040188006408; ngày cấp 22/04/2021; Nơi cấp Công an Hà Tĩnh

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Trâm; Ngày tháng năm sinh: 12/12/2014

- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, Thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số CCCD:..........................................................................................................................

- Ngày cấp: ..........................................................................................................................

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Diễm; Ngày tháng năm sinh: 18/09/2018

- Nơi thường trú: Thôn Phú Xuân, Thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Số CCCD:..........................................................................................................................

- Ngày cấp: ..........................................................................................................................

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:...................................................................................................

- Địa chỉ: TDP thôn Phú Mậu – Thị trấn Lộc Hà – Huyện Lộc Hà – tỉnh Hà Tĩnh

- Diện tích: **120,7** m2 (bằng chữ: Một trăm hai mươi phẩy bảy mét vuông)**.**

- Giá trị: 250.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **VP 13367** do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 07/11/2023

- Thông tin khác (nếu có):

+ Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

+ Nguồn gốc sử dụng: Được tặng cho

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): không có

1.2. Các loại đất khác: không có

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..............................................................................................................................

- Địa chỉ: .................................................................................................................

- Diện tích: .................................................................................................................

- Giá trị(10): .................................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ......................................................................................

- Thông tin khác (nếu có): .............................................................................................

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: ..................................................................................................................

- Loại nhà(14): ............................................................................................................

- Diện tích sử dụng (15): .............................................................................................

- Giá trị(10): ..............................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không

2.2. Công trình xây dựng khác(16): Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ: .............................................................................................

- Loại công trình: Cấp công trình: .......................................................................................

- Diện tích: ...............................................................................................................

- Giá trị (10): ..............................................................................................................

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .......................................................................................

- Thông tin khác (nếu có): ............................................................................................

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên):

3. Tài sản khác gắn liền với đất(17): Không có

3.1. Cây lâu năm(18):

- Loại cây: ............................ Số lượng: ....................... Giá trị(10):....................................

- Loại cây: ............................ Số lượng: ....................... Giá trị(10):....................................

3.2. Rừng sản xuất(19):

- Loại rừng: ................. Diện tích: .......................... Giá trị(10): .........................................

- Loại rừng: ................. Diện tích: .......................... Giá trị(10): .........................................

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ............................. Số lượng: ................... Giá trị(10):.........................................

- Tên gọi: ............................. Số lượng: ................... Giá trị(10):.........................................

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ..................................... Số lượng: ......................... Giá trị: .....................

- Tên cổ phiếu: ..................................... Số lượng: ......................... Giá trị: .....................

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ...................................Số lượng: ...........................Giá trị: ....................

- Tên trái phiếu: ...................................Số lượng: ...........................Giá trị: ....................

6.3. Vốn góp(22):

- Hình thức góp vốn: ........................... Giá trị:..............................................................

- Hình thức góp vốn: ........................... Giá trị:..............................................................

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác(23):

- Tên giấy tờ có giá: ............................ Giá trị:................................................................

- Tên giấy tờ có giá: ............................ Giá trị:................................................................

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)(24):

- Tên tài sản: Xe ô tô con Kia Morning Số đăng ký: 38A144.03 Giá trị: 398.000.000đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)(25): Không.

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài(26): Không

9. Tài khoản ở nước ngoài(27): Không

- Tên chủ tài khoản: số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28): 144.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 102.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 42.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung: không

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại tài sản, thu nhập** | | **Tăng (30)/giảm (31)** | | | **Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập** | |
| **Số lượng tài sản** | | **Giá trị tài sản, thu nhập** |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất  1.1. Đất ở  1.2. Các loại đất khác  2. Nhà ở, công trình xây dựng  2.1. Nhà ở  2.2. Công trình xây dựng khác  3. Tài sản khác gắn liền với đất  3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất  3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất  4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên  5. Tiền (tiềnViệt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.  6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):  6.1. Cổ phiếu  6.2. Trái phiếu  6.3. Vốn góp  6.4. Các loại giấy tờ có giá khác  7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:  7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).  7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).  8. Tài sản ở nước ngoài.  9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32). | | 01 | | + 250.000.000  +144.000.000đ | Tài sản được tặng cho   * Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp khác: 144.000.000đ   Thu nhập từ kinh doanh khác: 0đ | |
| *Hồng Lộc, ngày 24 tháng 12 năm 2023*  **NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  **Hà Thị Huyền Trang (đã ký)** | | *Hồng Lộc, ngày 24 tháng 12 năm 2023*  **NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  **Nguyễn Trần Tuấn (đã ký)** | | |